

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

Hà Nội, ngày tháng năm 2013

Hà Nội, ngày 07 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
VẬN TẢI VÀ XẾP DỖ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA

Thực hiện Quyết định số 235/QĐ-KTNN ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc kiểm toán Tổng công ty Vận tải thủy, Tổ kiểm toán số 03 thuộc Đoàn Kiểm toán Nhà nước của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành IV đã tiến hành kiểm toán Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa năm 2012 từ ngày 02/4/2013 đến ngày 09/5/2013.

1. Nội dung kiểm toán

1.1. Kiểm toán xác nhận thực trạng và đánh giá khả năng tài chính doanh nghiệp: kiểm toán về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước; việc huy động vốn của doanh nghiệp;

1.2. Kiểm toán đánh giá hiệu quả công tác quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp: kiểm toán đánh giá tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước trong SXKD; tình hình đầu tư XDCB; tình hình quản lý đất và tài sản trên đất; đánh giá công tác quản trị và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp theo nhóm khoản trên BCTC;

1.3. Kiểm toán tình hình xây dựng và thực hiện đề án tái cơ cấu DNNN và đầu tư tài chính;

1.4. Kiểm toán vốn và hiệu quả đầu tư vào công ty thành viên, công ty con, công ty liên kết, liên doanh;

1.5. Kiểm toán việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường thông qua những nội dung kiểm toán tình hình nghĩa vụ với Ngân sách nhà nước.

2. Phạm vi và giới hạn kiểm toán

2.1. Phạm vi kiểm toán

- Năm tài chính được kiểm toán: Năm 2012 và các thời kỳ trước, sau có liên quan.
- Đơn vị được kiểm toán: Công ty Mẹ - Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa, Công ty cổ phần vận tải ô tô, Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình, Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn.

2.2. Giới hạn kiểm toán

- Không chứng kiến kiểm kê (tiền mặt, vật tư hàng hoá tồn kho, tài sản cố định, khối lượng dở dang, đất đai) tại thời điểm 01/01/2012 và 31/12/2012;

- Không đối chiếu, xác minh hoá đơn mua vật tư, dịch vụ, nợ phải thu, phải trả với các đơn vị, cá nhân liên quan;

- Không kiểm toán Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

- Đối với các dự án đầu tư xây dựng: do dự án triển khai, thực hiện kéo dài trong nhiều năm (dự án “Đầu tư cảng Ninh Phúc giai đoạn 1” thực hiện từ năm 1995, dự án “Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp sửa chữa đóng mới phương tiện thủy Ninh Phúc” thực hiện từ năm 2004) nên Tổ kiểm toán chỉ kiểm tra việc tuân thủ trình tự, thủ tục đầu tư của dự án.

- Mẫu kiểm toán tối thiểu từ 90% trở lên về giá trị báo cáo để kiểm tra.

- Giới hạn kiểm toán chi tiết được nêu tại các Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán, Biên bản xác nhận số liệu và tình hình kiểm toán của Kiểm toán viên.

3. Căn cứ kiểm toán

- Luật Kiểm toán nhà nước, Luật Kế toán, các văn bản pháp luật về quản lý kinh tế, tài chính, kế toán và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

- Hệ thống chuẩn mực kiểm toán, Quy trình kiểm toán, Quy chế Tổ chức và hoạt động Đoàn kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Báo cáo kiểm toán được lập trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán, Biên bản kiểm toán của Tổ kiểm toán, Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính 2012 của Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa được lập ngày 31/3/2013 và các hồ sơ, tài liệu có liên quan.

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ KIỂM TOÁN

I. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2012

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	80.443.611.327	80.540.282.975	96.671.648
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.749.235.676	4.137.833.698	(611.401.978)
1. Tiền	111	4.749.235.676	4.137.833.698	(611.401.978)
2. Các khoản tương đương tiền	112	0	0	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	0	0
1. Đầu tư ngắn hạn	121	0	0	0
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	0	0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	52.219.742.389	58.221.870.736	6.002.128.347
1. Phải thu khách hàng	131	37.273.114.575	32.030.377.302	(5.242.737.273)
2. Trả trước cho người bán	132	4.692.775.216	3.276.416.755	(1.416.358.461)
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	3.806.505.136	0	(3.806.505.136)
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	227.272.727	0	(227.272.727)
5. Các khoản phải thu khác	135	6.387.386.531	22.915.076.679	16.527.690.148
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(167.311.796)	0	167.311.796
IV. Hàng tồn kho	140	20.493.868.869	15.635.162.839	(4.858.706.030)

1. Hàng tồn kho	141	20.493.868.869	15.635.162.839	(4.858.706.030)
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	0	0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.980.764.393	2.545.415.702	(435.348.691)
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	294.469.367	294.469.367	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	246.393.381	243.703.132	(2.690.249)
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	51.117.636	51.117.636	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	2.388.784.009	1.956.125.567	(432.658.442)
B-TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200	54.930.512.595	48.367.891.330	(6.562.621.265)
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	150.000.000	150.000.000	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	0	0	0
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	0	0	0
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	0	0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218	150.000.000	150.000.000	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	0	0	0
II. Tài sản cố định	220	53.563.175.162	47.549.088.645	(6.014.086.517)
1. Tài sản cố định hữu hình	221	47.131.603.566	41.117.517.049	(6.014.086.517)
- Nguyên giá	222	103.383.607.521	102.361.129.721	(1.022.477.800)
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223	(56.252.003.955)	(61.243.612.672)	(4.991.608.717)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	0	0	0
- Nguyên giá	225	0	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	0	0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	0	0	0
- Nguyên giá	228	0	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	0	0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	6.431.571.596	6.431.571.596	0
III. Bất động sản đầu tư	240	0	0	0
- Nguyên giá	241	0	0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	0	0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	183.000.000	301.100.000	118.100.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	0	0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	0	0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	183.000.000	301.100.000	118.100.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	0	0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260	1.034.337.433	367.702.685	(666.634.748)
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1.034.337.433	367.702.685	(666.634.748)
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	0	0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270	135.374.123.922	128.908.174.305	(6.465.949.617)
NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300	86.662.558.343	85.437.833.331	(1.224.725.012)
I. Nợ ngắn hạn	310	83.584.329.787	82.434.804.410	(1.149.525.377)
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	7.882.714.410	7.882.714.410	0
2. Phải trả người bán	312	37.415.396.903	30.706.597.680	(6.708.799.223)
3. Người mua trả tiền trước	313	8.731.420.217	6.576.383.853	(2.155.036.364)
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2.173.098.358	2.311.164.852	138.066.494
5. Phải trả người lao động	315	5.931.803.582	5.840.879.948	(90.923.634)

6. Chi phí phải trả	316	1.291.719.291	740.609.679	(551.109.612)
7. Phải trả nội bộ	317	3.666.355.908	0	(3.666.355.908)
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	0	0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16.313.752.559	28.260.584.113	11.946.831.554
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	0	0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	178.068.559	115.869.875	(62.198.684)
II. Nợ dài hạn	330	3.078.228.556	3.003.028.921	(75.199.635)
1. Phải trả dài hạn người bán	331	0	0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	0	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333	181.133.630	181.133.630	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	2.866.549.671	2.802.846.303	(63.703.368)
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	0	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	30.545.255	19.048.988	(11.496.267)
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	0	0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	0	0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	0	0	0
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	48.711.565.579	43.470.340.974	(5.241.224.605)
I. Vốn chủ sở hữu	410	48.441.341.159	43.200.116.554	(5.241.224.605)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	46.164.635.140	66.047.092.049	19.882.456.909
2. Thặng dư vốn góp cổ phần	412	0	0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	5.398.417.500	4.886.517.500	(511.900.000)
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	(197.300.000)	(197.300.000)	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	0	0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	0	0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	65.324.888	53.794.124	(11.530.764)
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	438.210.675	402.419.590	(35.791.085)
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(10.427.364.814)	(34.991.824.479)	(24.564.459.665)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	6.999.417.770	6.999.417.770	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	0	0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	270.224.420	270.224.420	0
1. Nguồn kinh phí	432	270.224.420	270.224.420	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	0	0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+430)	440	135.374.123.922	128.908.174.305	(6.465.949.617)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ BÁO CÁO	SỐ KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
1. Tài sản thuê ngoài			0	0
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			0	0
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý		4.032.894.782	3.113.475.837	(919.418.945)
5. Ngoại tệ các loại			0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			0	0

*** Nguyên nhân chênh lệch:**

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền giảm	611.401.978
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
2. Phải thu khách hàng giảm	5.242.737.273
* Tăng:	399.361.109
- Do đơn vị thực hiện xử lý công nợ phải thu không có khả năng thu hồi vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng không có đủ tài liệu chứng minh, nay điều chỉnh lại - Công ty Mẹ	
* Giảm:	5.642.098.382
- Do đơn vị hạch toán cổ tức năm 2012 thu của Công ty CP xếp dỡ Ninh Bình khi công ty này chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông v/v phân chia cổ tức - Công ty Mẹ	161.776.655
- Do bù trừ công nợ Phải thu khách hàng và Phải trả người bán giữa Công ty mẹ và các Công ty con	3.944.096.336
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	1.536.225.391
3. Trả trước cho người bán giảm	1.416.358.461
* Tăng:	196.041.965
- Do đơn vị thực hiện xử lý công nợ phải thu không có khả năng thu hồi vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng không có đủ tài liệu chứng minh, nay điều chỉnh lại - Công ty Mẹ	
* Giảm:	1.612.400.426
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
4. Phải thu nội bộ ngắn hạn giảm	3.806.505.136
- Do bù trừ công nợ khoản Phải thu nội bộ ngắn hạn và Phải trả nội bộ giữa Văn phòng Công ty Mẹ và các đơn vị Phụ thuộc - Công ty Mẹ	3.665.066.018
- Do điều chỉnh số dư Phải thu nội bộ ngắn hạn chưa xác định được nguyên nhân sang theo dõi trên tài khoản Phải thu khác	141.439.118
5. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng giảm	227.272.727
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
6. Các khoản phải thu khác tăng:	16.527.690.148
* Tăng:	16.686.812.570
- Do đơn vị hạch toán chi phí không liên quan đến hoạt động SXKD (chi phí mua máy ảnh, điện thoại) vào Giá vốn hàng bán nay chuyển sang thu hồi cá nhân - Công ty Mẹ	20.220.000

- Do trong kỳ kế toán, đơn vị đã thực hiện bút toán bù trừ công nợ Phải thu phải trả nội bộ không đúng quy định - chỉ bù trừ về giá trị chứ không bù trừ theo đối tượng nên điều chỉnh sang tài khoản Phải thu khác để đơn vị xác định rõ nguyên nhân - Công ty Mẹ	14.112.859.497
- Do đơn vị thực hiện xử lý công nợ phải thu không có khả năng thu hồi vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng không có đủ tài liệu chứng minh, nay điều chỉnh lại - Công ty Mẹ	468.941.257
- Do đơn vị kết chuyển vào Chi phí khác khoản chênh lệch công nợ Phải thu nội bộ lớn hơn Phải trả nội bộ không xác định được nguyên nhân, nay điều chỉnh sang theo dõi trên tài khoản 138 - Công ty Mẹ	908.936.104
- Do đơn vị hạch toán thiếu thuế TNCN của người lao động so với quyết toán thuế	96.796.716
+ Công ty Mẹ	13.604.523
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	7.508.661
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	33.225.187
+ Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Bút Sơn	42.458.345
- Do kết chuyển những khoản chi phí nghiên cứu đề tài từ năm 1999 - 2006 chưa được nghiệm thu, quyết toán vào Phải thu khác để đơn vị xác định rõ nguyên nhân - Công ty Mẹ	936.900.768
- Do điều chỉnh số dư Phải thu nội bộ ngắn hạn (sau khi đã bù trừ) chưa xác định được nguyên nhân sang theo dõi trên tài khoản Phải thu khác	142.158.228
* Giảm:	159.122.422
- Do thực hiện bù trừ khoản Phải thu ngắn hạn khác và Phải trả phải nộp ngắn hạn khác cùng đối tượng - Công ty Mẹ	27.000.000
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	132.122.422
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm	167.311.796
- Do đơn vị trích lập dự phòng không đảm bảo nguyên tắc và điều kiện tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009, nay điều chỉnh lại - Công ty cổ phần vận tải ô tô	
8. Hàng tồn kho giảm	4.858.706.030
- Do đơn vị đang thực hiện vốn hóa chi phí lãi vay của một số công trình không đúng quy định nên kết chuyển chi phí này vào chi phí lãi vay trong kỳ - Công ty Mẹ	175.270.775
- Do đơn vị hạch toán chi phí của bộ phận văn phòng(chi phí khấu hao và chi phí tiền lương) vào chi phí SXKD dở dang cuối kỳ của một số công trình nên chuyển sang chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ - Công ty Mẹ	225.162.117
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	4.458.273.138
9. Thuế GTGT được khấu trừ giảm	2.690.249
- Do giảm tương ứng tiền mua máy ảnh, điện thoại - Công ty Mẹ	1.838.182

- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	852.067
10. Tài sản ngắn hạn khác giảm	432.658.442
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
11. Nguyên giá TSCĐ hữu hình giảm	1.022.477.800
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
12. Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình tăng	4.991.608.717
* Tăng:	5.602.401.438
- Do đơn vị trích khấu hao chưa đúng quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính - Công ty Mẹ	
* Giảm:	610.792.721
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
13. Đầu tư dài hạn khác tăng	118.100.000
- Do Công ty Mẹ mua cổ phần của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng với tỷ lệ cổ phần 16,4% Vốn điều lệ của công ty được đầu tư nhưng lại theo dõi trên TK 221 "Đầu tư vào công ty con", nay điều chỉnh sang theo dõi trên TK 228 "Đầu tư dài hạn khác"	
14. Chi phí trả trước dài hạn giảm	666.634.748
- Do kết chuyển chi phí nạo vét luồng cầu cảng số 1 và số 2 cảng Ninh Bình đã đủ điều kiện ghi nhận giá vốn nhưng đơn vị còn để tồn dư - Công ty Mẹ	67.860.000
- Do đơn vị đang để tồn dư chi phí nghiên cứu đề tài từ năm 1999 - 2006 chưa được nghiệm thu, quyết toán, nay chuyển sang theo dõi trên tài khoản Phải thu khác để đơn vị xác định rõ nguyên nhân - Công ty Mẹ	468.450.384
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	130.324.364
15. Phải trả người bán giảm	6.708.799.223
* Tăng:	370.884.736
- Do đơn vị hạch toán cổ tức năm 2012 thu của các công ty cổ phần khi những công ty này chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông v/v phân chia cổ tức - Công ty Mẹ	
* Giảm:	7.079.683.959
- Do đơn vị bù trừ khoản Phải thu khách hàng và Phải trả người bán giữa Công ty Mẹ và các Công ty con	3.944.096.336
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của	3.135.587.623

Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
16. Người mua trả tiền trước giảm	2.155.036.364
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước tăng	138.066.494
<i>(Giải thích nguyên nhân chênh lệch tại biểu Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước)</i>	
18. Phải trả người lao động giảm	90.923.634
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
19. Chi phí phải trả giảm	551.109.612
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
20. Phải trả nội bộ giảm	3.666.355.908
- Do đơn vị bù trừ công nợ khoản Phải thu nội bộ ngắn hạn khác và Phải trả nội bộ giữa Văn phòng Công ty mẹ và các đơn vị phụ thuộc - Công ty Mẹ	3.664.346.908
- Do điều chỉnh số dư Phải trả nội bộ chưa xác định được nguyên nhân sang theo dõi trên tài khoản Phải trả, phải nộp khác	2.009.000
21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác tăng	11.946.831.554
* Tăng:	15.153.159.633
- Do đơn vị chưa tính và hạch toán chi phí lãi vay cho CBCNV theo thông báo số 1318/TCKT ngày 11/11/2003 - Công ty Mẹ	1.038.291.136
- Do trong kỳ kế toán, đơn vị đã thực hiện bút toán bù trừ công nợ phải thu phải trả nội bộ về mặt giá trị chứ không bù trừ theo đối tượng nên điều chỉnh sang tài khoản Phải trả, phải nộp khác để đơn vị xác định rõ nguyên nhân - Công ty Mẹ	14.112.859.497
- Do điều chỉnh số dư Phải trả nội bộ chưa xác định được nguyên nhân sang theo dõi trên tài khoản Phải trả, phải nộp khác	2.009.000
* Giảm:	3.206.328.079
- Do đơn vị bù trừ nợ/có trên tài khoản Phải thu ngắn hạn khác và Phải trả phải nộp ngắn hạn khác - Công ty Mẹ	27.000.000
- Do năm 2004, đơn vị được Bộ GTVT giao kế hoạch khoa học công nghệ và cấp kinh phí để chế tạo Cầu Phaoctic, tài sản hoàn thành đưa vào sử dụng từ năm 2007 nhưng đơn vị chưa kết chuyển nguồn kinh phí được cấp nay điều chỉnh tăng nguồn vốn - Công ty Mẹ	400.000.000
- Do chuyển khoản tiền được bồi thường theo bản án số 351/2008/HS-PT ngày 30/05/2008 của Tòa án tối cao và bản án số 05/2008/HS-ST ngày 30/01/2008 của Tòa án nhân dân Ninh Bình sang Thu nhập khác - Công ty cổ phần vận tải ô tô	70.987.932

- Do bù đắp khoản chi phí khám chữa bệnh cho người lao động trong công ty	32.400.000
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	6.000.000
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	26.400.000
- Do đơn vị chưa tính và hạch toán thuế TNCN từ lãi vay của những đối tượng cho đơn vị vay vốn - Công ty Mẹ	37.484.096
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	2.638.456.051
22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi giảm	62.198.684
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
23. Vay và nợ dài hạn giảm	63.703.368
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm giảm	11.496.267
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
25. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng	19.882.456.909
- Do đơn vị hạch toán điều chỉnh giảm Vốn đầu tư của Chủ sở hữu sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không có đủ căn cứ, nay điều chỉnh lại Công ty Mẹ	19.482.456.909
- Do kết chuyển kinh phí được Bộ GTVT cấp năm 2004 để chế tạo cầu Phooctic, hiện đơn vị đang theo dõi trên TK Phải trả phải nộp khác - Công ty Mẹ	400.000.000
26. Vốn khác của chủ sở hữu giảm	511.900.000
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
27. Quỹ đầu tư phát triển giảm	11.530.764
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
28. Quỹ dự phòng tài chính giảm	35.791.085
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
29. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm	24.564.459.665
*Tăng:	226.946.671
- Do xác định lại kết quả SXKD theo kết quả kiểm toán	187.118.050
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	173.213.919
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	13.904.131

- Do thu hồi phần lợi nhuận của các năm trước công ty đã sử dụng để chia cổ tức cho "Cổ phiếu quỹ" - Công ty cổ phần vận tải ô tô	39.828.621
*Giảm:	24.791.406.336
- Do xác định lại kết quả SXKD theo kết quả kiểm toán	5.267.739.690
+ Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn	5.193.610
+ Công ty Mẹ	5.262.546.080
- Do đơn vị hạch toán điều chỉnh giảm Vốn đầu tư của Chủ sở hữu sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không có đủ căn cứ, nay điều chỉnh lại Công ty Mẹ	19.482.456.909
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	41.209.737

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	180.914.099.653	163.232.982.044	(17.681.117.609)
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	180.914.099.653	163.232.982.044	(17.681.117.609)
4. Giá vốn hàng bán	11	165.052.318.547	147.121.851.983	(17.930.466.564)
5. Lợi nhuận về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	15.861.781.106	16.111.130.061	249.348.955
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	1.406.740.515	829.440.202	(577.300.313)
7. Chi phí tài chính	22	2.142.215.757	2.517.885.286	375.669.529
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.142.215.757	2.517.885.286	375.669.529
8. Chi phí bán hàng	24	504.906.700	504.906.700	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	23.628.028.797	23.377.276.901	(250.751.896)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30	(9.006.629.633)	(9.459.498.624)	(452.868.991)
11. Thu nhập khác	31	6.252.250.885	6.323.238.817	70.987.932
12. Chi phí khác	32	3.571.440.695	8.036.301.209	4.464.860.514
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	2.680.810.190	(1.713.062.392)	(4.393.872.582)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	(6.325.819.443)	(11.172.561.016)	(4.846.741.573)
- Thu nhập được trừ khi xác định TNCT		0	70.987.932	70.987.932
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế chịu thuế TNDN		(6.325.819.443)	(11.243.548.948)	(4.917.729.505)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	207.285.220	246.763.220	39.478.000
17. Chi phí thuế TNDN của các khoản phạt, chi phí không được trừ khi xác định TNCT		0	27.630.651	27.630.651
18. Giảm 30% thuế TNDN theo Nghị quyết 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ		0	20.132.572	20.132.572
19. Thuế TNDN phải nộp		207.285.220	254.261.299	46.976.079
20. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	0	0	0
21. Tiền tạm thu cổ tức của công ty mẹ		532.661.391	0	(532.661.391)
22. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	(7.065.766.054)	(11.426.822.315)	(4.361.056.261)

*** Nguyên nhân chênh lệch:**

Đơn vị tính: đồng

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm	17.681.117.609
- Do bù trừ doanh thu nội bộ khi lập Báo cáo tài chính	14.009.791.276
+ Giữa Văn phòng Công ty Mẹ và các đơn vị phụ thuộc	2.811.530.000
+ Giữa Công ty Mẹ và các Công ty con	11.198.261.276
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	3.671.326.333
2. Giá vốn hàng bán giảm	17.930.466.564
* Tăng:	69.800.000
- Do kết chuyển chi phí nạo vét luồng cầu cảng số 1 và số 2 cảng Ninh Bình đã đủ điều kiện ghi nhận giá vốn - Công ty Mẹ	67.860.000
- Do giảm thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của các hóa đơn GTGT có giá trị trên 20 triệu đồng không thanh toán qua ngân hàng - Công ty Mẹ	1.940.000
* Giảm:	18.000.266.564
- Do đơn vị hạch toán chi phí không liên quan đến hoạt động SXKD (chi phí mua máy ảnh, điện thoại) vào Giá vốn hàng bán - Công ty Mẹ	18.381.818
- Do đơn vị hạch toán phân bổ chi phí nghiên cứu các đề tài khoa học từ năm 1999 - 2006 chưa được nghiệm thu, quyết toán vào giá vốn nên điều chỉnh sang khoản phải thu khác để đơn vị xác định rõ nguyên nhân - Công ty Mẹ	468.450.384
- Do bù trừ giá vốn nội bộ khi lập BCTC	14.009.791.276
+ Giữa Văn phòng Công ty Mẹ và các đơn vị phụ thuộc	2.811.530.000
+ Giữa Công ty Mẹ và các Công ty con	11.198.261.276
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	3.503.643.086
3. Doanh thu hoạt động tài chính giảm	577.300.313
- Do công ty chia cổ tức cho phần cổ phiếu quỹ không đúng quy định, nay kết chuyển sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối - Công ty cổ phần vận tải ô tô	39.828.621
- Do đơn vị hạch toán cổ tức năm 2012 thu từ các công ty cổ phần khi các công ty này chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông v/v phân chia cổ tức - Công ty Mẹ	532.661.391
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	4.810.301
4. Chi phí tài chính tăng	375.669.529

* Tăng:	394.275.397
- Do đơn vị thực hiện vốn hóa chi phí lãi vay của một số công trình không đúng quy định nên kết chuyển chi phí này vào chi phí lãi vay trong kỳ - Công ty Mẹ	175.270.775
- Do đơn vị tính thiếu chi phí lãi vay phải trả năm 2012 - Công ty Mẹ	219.004.622
* Giảm:	18.605.868
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm	250.751.896
* Tăng:	1.354.095.899
- Do đơn vị hạch toán chi phí của bộ phận văn phòng (chi phí khấu hao và chi phí tiền lương) vào chi phí SXKD dở dang cuối kỳ của một số công trình nên chuyển sang chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ - Công ty Mẹ	225.162.117
- Do đơn vị hạch toán thiếu tiền thuê đất phải nộp theo thông báo của Chi cục Thuế TP.Ninh Bình - Công ty Mẹ	79.071.860
- Do đơn vị trích khấu hao năm 2012 chưa đúng theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính - Công ty Mẹ	1.049.861.922
* Giảm:	1.604.847.795
- Do đơn vị thực hiện xử lý công nợ phải thu không có khả năng thu hồi vào chi phí sản xuất kinh doanh nhưng không có đủ tài liệu chứng minh - Công ty Mẹ	1.064.344.331
- Do chuyển chi phí khám chữa bệnh cho người lao động sang bù đắp nguồn kinh phí công đoàn.	32.400.000
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	6.000.000
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	26.400.000
- Do công ty trích lập dự phòng không đảm bảo nguyên tắc và điều kiện tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 - Công ty cổ phần vận tải ô tô	167.311.796
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	340.791.668
6. Thu nhập khác tăng	70.987.932
- Do đơn vị đang hạch toán khoản tiền bồi thường được hưởng theo quyết định của tòa án trên tài khoản 338 nay chuyển về Thu nhập khác - Công ty cổ phần vận tải ô tô	
7. Chi phí khác tăng	4.464.860.514
* Tăng:	5.373.796.618
- Do đơn vị chưa tính và hạch toán chi phí lãi vay CBCNV từ năm 2007 - 2011 theo thông báo số 1318/TCKT ngày 11/11/2003 - Công ty Mẹ	819.286.514
- Do đơn vị trích khấu hao của những năm trước chưa đúng theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính - Công ty Mẹ	4.552.539.516

- Do đơn vị chưa hạch toán khoản lãi phạt nộp chậm thuế - Công ty cổ phần vận tải ô tô	1.970.588
*Giảm:	908.936.104
- Do công ty xử lý vào chi phí khoản chênh lệch xử lý công nợ nội bộ không đối chiếu và xác định được nguyên nhân - Công ty Mẹ	
8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm	4.846.741.573
* Tăng:	415.804.507
- Do xác định lại lợi nhuận kế toán trước thuế theo kết quả kiểm toán	228.900.519
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	202.500.519
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	26.400.000
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	186.903.988
* Giảm:	5.262.546.080
- Do xác định lại lợi nhuận kế toán trước thuế theo kết quả kiểm toán - Công ty Mẹ	
9. Chi phí thuế TNDN phải nộp tăng	46.976.079
* Tăng:	67.108.651
- Do xác định lại lợi nhuận kế toán trước thuế theo kết quả kiểm toán	39.478.000
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	32.878.000
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	6.600.000
- Do tăng thuế TNDN tương ứng với khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	27.630.651
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	8.960.000
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	11.251.241
+ Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn	7.419.410
* Giảm:	20.132.572
- Do công ty thuộc đối tượng được giảm 30% thuế TNDN theo nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/05/2012	
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	12.551.400
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	5.355.372
+ Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn	2.225.800
10. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp giảm	4.361.056.261
* Tăng:	906.683.429
- Do xác định lại kết quả sản xuất kinh doanh theo kết quả kiểm toán	187.118.050
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	173.213.919
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	13.904.131
- Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị đã điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động tài chính từ khoản tạm thu cổ tức của các công ty con nhưng khi kiểm toán tại Văn phòng công ty mẹ tổ kiểm toán đã ghi giảm khoản doanh thu này vì không đủ điều kiện ghi nhận. Do đó, tổ kiểm toán hủy bút toán của đơn vị	532.661.391

- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm

186.903.988

* **Giảm:**

5.267.739.690

- Do xác định lại kết quả sản xuất kinh doanh theo kết quả kiểm toán

+ Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn

5.193.610

+ Công ty Mẹ

5.262.546.080

3. Thực hiện nghĩa vụ với NSNN đến 31/12/2012

3.1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I. Thuế		51.117.636	51.117.636	0
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa		0	0	0
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu		0	0	0
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt		0	0	0
4. Thuế xuất nhập khẩu		0	0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp		51.117.636	51.117.636	0
6. Thu trên vốn		0	0	0
7. Thuế tài nguyên		0	0	0
8. Thuế nhà đất		0	0	0
9. Tiền thuê đất		0	0	0
10. Các loại thuế khác		0	0	0
II. Các khoản phải nộp khác		0	0	0
1. Các khoản phụ thu		0	0	0
2. Các khoản phí, lệ phí		0	0	0
3. Các khoản khác		0	0	0
III. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		0	0	0
Tổng cộng		51.117.636	51.117.636	0

3.2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
I. Thuế		2.173.098.358	2.311.164.852	138.066.494
1. Thuế GTGT hàng bán nội địa		1.610.050.350	1.494.087.691	(115.962.659)
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu		0	0	0
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt		0	0	0
4. Thuế xuất nhập khẩu		0	0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp		189.380.224	228.086.117	38.705.893
6. Thuế TNCN		3.940.314	138.221.126	134.280.812
7. Thuế tài nguyên		5.793.230	5.793.230	0
8. Thuế nhà đất và tiền thuê đất		363.934.240	443.006.100	79.071.860
9. Các loại thuế khác		0	0	0
10. Các khoản phải nộp khác		0	1.970.588	1.970.588
II. Các khoản phải nộp khác		0	0	0

1. Các khoản phụ thu		0	0	0
2. Các khoản phí, lệ phí		0	0	0
3. Các khoản khác		0	0	0
III. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		0	0	0
Tổng cộng		2.173.098.358	2.311.164.852	138.066.494

** Nguyên nhân chênh lệch:*

Đơn vị tính: đồng

1. Thuế GTGT hàng bán nội địa giảm	115.962.659
<i>* Tăng:</i>	1.940.000
- Do giảm thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của các hóa đơn GTGT có giá trị trên 20 triệu đồng không thanh toán qua ngân hàng - Công ty Mẹ	
<i>* Giảm:</i>	117.902.659
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
2. Thuế TNDN tăng	38.705.893
<i>* Tăng:</i>	46.976.079
Do tăng lợi nhuận chịu thuế theo kết quả kiểm toán	
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	29.286.600
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	12.495.869
+ Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn	5.193.610
<i>* Giảm:</i>	8.270.186
- Do khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất đơn vị tổng hợp cả số liệu của Công ty cổ phần sản xuất VLXD và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 16,4% Vốn điều lệ, nay điều chỉnh giảm	
3. Thuế thu nhập cá nhân tăng	134.280.812
- Do đơn vị hạch toán thiếu thuế TNCN của người lao động so với quyết toán thuế	96.796.716
+ Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình	33.225.187
+ Công ty Mẹ	13.604.523
+ Công ty cổ phần vận tải ô tô	7.508.661
+ Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn	42.458.345
- Do đơn vị chưa tính và hạch toán thuế TNCN từ tiền lãi của các cá nhân cho đơn vị vay vốn - Công ty Mẹ	37.484.096
4. Tiền thuê đất tăng	79.071.860
- Do đơn vị hạch toán thiếu tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế- Công ty Mẹ	
5. Các khoản phải nộp khác tăng	1.970.588
- Do đơn vị chưa hạch toán khoản lãi phạt chậm nộp thuế theo thông báo của cơ quan thuế - Công ty cổ phần vận tải ô tô	

4. Về tính đúng đắn, trung thực của Báo cáo tài chính

Ngoại trừ phạm vi và giới hạn kiểm toán, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa sau khi điều chỉnh số liệu theo kết quả kiểm toán đã cơ bản phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn, kết quả kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước.

II. VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT, CHÍNH SÁCH, CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Quản lý tài chính, kế toán

1.1. Tình hình quản lý và sử dụng tài sản, nguồn vốn kinh doanh

1.1.1. Quản lý tài sản ngắn hạn

*** Quản lý tiền và các khoản tương đương tiền:**

Các đơn vị trong Công ty đã quản lý vốn bằng tiền tuân thủ quy định; các khoản thu, chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng đều được mở sổ theo dõi đầy đủ, kịp thời, có đầy đủ hồ sơ, chứng từ kế toán. Tại thời điểm 31/12/2012, các đơn vị đã thực hiện kiểm kê quỹ tiền mặt và đối chiếu số dư tiền gửi tại ngân hàng.

Về công tác quản trị tiền và các khoản tương đương tiền: đơn vị chưa xây dựng quy chế quản lý tiền, chưa ban hành quy trình thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

*** Quản lý các khoản phải thu ngắn hạn**

- Các khoản phải thu khách hàng

Các đơn vị đã mở sổ kế toán tổng hợp, sổ chi tiết để theo dõi các khoản nợ của từng đối tượng. Tuy nhiên công tác quản lý, theo dõi các khoản nợ phải thu tại một số đơn vị còn chưa chặt chẽ, chưa tuân thủ đầy đủ quy định của nhà nước, cụ thể:

+ Công tác đối chiếu, xác nhận nợ: hầu hết các đơn vị đã thực hiện công tác đối chiếu, xác nhận số dư công nợ từ trên 50% về mặt đối tượng và giá trị, riêng có Công ty cổ phần vận tải ô tô có tỷ lệ đối chiếu công nợ thấp về mặt đối tượng đối chiếu được 13,79%, về giá trị đối chiếu được 47,53%.

- Các khoản trả trước cho người bán

Đơn vị đã mở sổ chi tiết theo dõi đầy đủ các khoản trả trước cho người bán theo từng đối tượng, tuy nhiên, tại các đơn vị được kiểm toán, công tác đối chiếu công nợ còn chưa được thực hiện (Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình) hoặc đối chiếu chưa đầy đủ: Công ty Mẹ, Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn.

- Phải thu nội bộ ngắn hạn

Đơn vị đã mở sổ kế toán chi tiết công nợ theo từng đối tượng, số dư cuối năm của các khoản nợ nội bộ được đối chiếu tương đối đầy đủ về mặt đối tượng và giá trị: 3.114 triệu đồng/3.806 triệu đồng (tỷ lệ đối chiếu 82%). Tuy nhiên, trong năm Văn phòng công ty đã thực hiện bù trừ công nợ phải thu nội bộ và phải trả nội bộ không đúng quy định của chế độ tài chính kế toán với giá trị 14.112 triệu đồng, kết chuyển vào chi phí khác 908 triệu đồng giá trị chênh lệch

phải thu nội bộ lớn hơn phải trả nội bộ không xác định được nguyên nhân. Theo báo cáo của đơn vị, từ năm 2006 trở về trước, Văn phòng công ty không thực hiện công tác kế toán trên phần mềm máy tính, bộ phận kế toán cũ (đã nghỉ việc từ năm 2008) không mở sổ kế toán chi tiết theo dõi công nợ phải thu, phải trả nội bộ theo từng đối tượng, không đối chiếu được công nợ dẫn đến việc tồn dư trên cả hai tài khoản phải thu nội bộ và phải trả nội bộ mà không thể bù trừ được. Trách nhiệm này thuộc về ông Tạ Văn Tỉnh - Tổng Giám đốc, ông Trần Văn Chung - Kế toán trưởng của công ty và bộ phận Tài chính - Kế toán thời kỳ trước năm 2006. Đến thời điểm 31/12/2012, sau khi thực hiện đối chiếu công nợ và bù trừ công nợ nội bộ của các khoản nợ có đối tượng cụ thể, đơn vị đã bù trừ công nợ nội bộ về mặt giá trị (không theo từng đối tượng), phần còn lại kết chuyển vào chi phí khác như đã nêu trên. Việc xử lý bù trừ công nợ như vậy là không đúng chế độ kế toán, do đó tổ kiểm toán điều chỉnh lại bút toán trên và chuyển các giá trị tồn đọng không rõ đối tượng sang theo dõi trên tài khoản "Các khoản phải thu khác" và "Các khoản phải trả, phải nộp khác" để đơn vị tiếp tục xác định rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý phù hợp.

- Các khoản phải thu khác, các khoản tạm ứng: chủ yếu là khoản theo dõi tạm ứng cho cán bộ công nhân viên mua nguyên vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, có đầy đủ chứng từ hóa đơn hợp pháp.

- Về công tác quản trị các khoản nợ phải thu:

Các đơn vị chưa xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ.

Trong năm 2012, để phục vụ công tác cổ phần hóa, Công ty Mẹ đã có một số biện pháp tích cực trong công tác đối chiếu, xác minh công nợ như thành lập Hội đồng xử lý công nợ, cử các cán bộ đi công tác để thực hiện đối chiếu, thu hồi công nợ; xử lý các công nợ phải thu không có khả năng thu hồi tuy nhiên, việc xử lý còn chưa triệt để và chưa có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh như theo quy định tại Khoản 2, Điều 9, Mục II Thông tư 202/2011/TT- BTC ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Theo báo cáo của đơn vị, tính đến thời điểm 31/12/2012, giá trị các khoản nợ khó thu hồi của toàn công ty là 6.872 triệu đồng. Trong đó tại 03 đơn vị thành viên được kiểm toán là 1.488 triệu đồng (đây là khoản Nợ phải thu khách hàng), tại Công ty Mẹ là 5.384 triệu đồng. Ngoài ra, còn một số khoản công nợ đơn vị đã xử lý trong năm nhưng chưa có đầy đủ hồ sơ với giá trị 919 triệu đồng, chênh lệch công nợ phải thu nội bộ lớn hơn phải trả nội bộ chưa xác định được nguyên nhân 908 triệu đồng, chi phí nghiên cứu đề tài từ những năm trước chưa được quyết toán, nghiệm thu 936 triệu đồng. Nếu những khoản nợ trên thực sự không có khả năng thu hồi, không xác định được trách nhiệm của những tập thể, cá nhân liên quan thì những khoản nợ trên là khoản rủi ro tài chính tiềm ẩn của đơn vị (9.637 triệu đồng).

* Quản lý hàng tồn kho: tại các đơn vị được kiểm toán, hàng tồn kho chủ yếu là nguyên vật liệu, nhiên liệu tồn kho; tại Công ty Mẹ hàng tồn kho chủ yếu là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây dựng (8.834 triệu đồng), cuối kỳ, đơn vị không thực hiện kiểm kê sản lượng dở dang.

1.1.2 Quản lý tài sản dài hạn

* Quản lý tài sản cố định:

- Tài sản cố định được các đơn vị theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và được phản ánh trong sổ theo dõi TSCĐ. Cuối kỳ, đơn vị đã thực hiện kiểm kê, phân loại tài sản cố định;

- Trong năm đơn vị đã thực hiện đầu tư nâng cấp tài sản cố định, kế toán đã hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định kịp thời theo quy định;

- Việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định;

- Việc trích khấu hao tại các đơn vị về cơ bản thực hiện theo quy định tại Thông tư 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính. Riêng Công ty Mẹ còn trích khấu hao chưa đúng quy định dẫn đến điều chỉnh tăng chi phí khấu hao 5.602 triệu đồng. Trách nhiệm này thuộc về bộ phận Tài chính - Kế toán.

* Chi phí trả trước dài hạn: tại Công ty Mẹ còn để tồn dư chi phí nghiên cứu đề tài khoa học thực hiện từ năm 1999 đến năm 2006 nhưng chưa hoàn thành, chưa được nghiệm thu, quyết toán với giá trị 468 triệu đồng.

1.1.3. Quản lý nợ phải trả

* Quản lý nợ ngắn hạn:

- Phải trả người bán

Các đơn vị đã mở sổ chi tiết theo dõi đầy đủ các khoản nợ phải trả, thực hiện phân loại công nợ. Tỷ lệ đối chiếu công nợ tại hầu hết các đơn vị còn thấp (Công ty cổ phần vận tải ô tô đối chiếu được 3/43 đối tượng chiếm 6,98%, về giá trị chiếm 12,68%, Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình đối chiếu được 5/15 đối tượng chiếm 33,33%, về giá trị đối chiếu được 72%, tại văn phòng Công ty Mẹ đối chiếu được 9/34 đối tượng chiếm 26,74%, về giá trị đối chiếu được 67,93%).

- Phải trả nội bộ

Đơn vị đã thực hiện theo dõi chi tiết theo đối tượng các khoản phải trả nội bộ, số dư cuối năm được đối chiếu đầy đủ. Trong năm, đơn vị đã thực hiện bù trừ công nợ phải thu, phải trả nội bộ không đúng quy định như đã nêu tại phần quản lý nợ phải thu nội bộ.

- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác: các khoản này được hạch toán theo dõi theo từng đối tượng và chặt chẽ, tuy nhiên còn một số tồn tại như: tại các đơn vị được kiểm toán còn nợ các khoản bảo hiểm xã hội (BHXH) với giá trị 446 triệu đồng, tại Công ty Mẹ còn để tồn dư nguồn kinh phí được cấp 400 triệu đồng từ năm 2004 để chế tạo cầu Phooctic, sản phẩm đã hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2007 nhưng chưa kết chuyển tăng nguồn vốn,..

* Tình hình vay, quản lý, sử dụng vốn vay và trả nợ vay: các khoản vay nợ được theo dõi, hạch toán, có đầy đủ hồ sơ theo quy định; vốn vay được sử dụng

đúng mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Số dư nợ vay Ngân hàng là 5.249 triệu đồng, vay cá nhân là 4.960 triệu đồng

* Đánh giá khả năng thanh toán nợ của đơn vị thông qua một số chỉ tiêu như sau (số liệu tính toán lấy theo số sau kiểm toán):

+ *Khả năng thanh toán tổng quát: Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả* = 128.908 triệu đồng/85.437 triệu đồng = 1,51. Như vậy, tại thời điểm 31/12/2012, số liệu hợp nhất của toàn công ty cho thấy khả năng thanh toán hiện hành của đơn vị được đảm bảo. Số liệu tính toán tại các đơn vị được kiểm toán cho thấy hệ số này đều lớn hơn 1 chứng tỏ các đơn vị đều đảm bảo khả năng thanh toán hiện hành.

+ *Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn* = 80.540 triệu đồng/82.434 triệu đồng = 0,98. Như vậy, tại thời điểm 31/12/2012, số liệu hợp nhất của toàn công ty cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của đơn vị không được đảm bảo. Số liệu tính toán tại các đơn vị được kiểm toán cho thấy chỉ có Công ty cổ phần vận tải ô tô có khả năng thanh toán khoản nợ ngắn hạn với hệ số này đạt 1,17.

+ *Khả năng thanh toán nhanh: (Tiền và các khoản tương đương tiền + Đầu tư ngắn hạn)/Nợ ngắn hạn* = 4.137 triệu đồng/82.434 triệu đồng = 0,05. Như vậy tại thời điểm 31/12/2012, đơn vị gần như mất khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn. Số liệu tính toán tại các đơn vị được kiểm toán cho thấy chỉ có Công ty cổ phần vận tải ô tô có khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn với hệ số này đạt 1,07. Còn tại Công ty Mẹ hệ số này rất thấp (0,05) cho thấy Công ty Mẹ mất khả năng thanh toán nhanh.

+ Đánh giá về việc tuân thủ quy định của Nhà nước về mức độ huy động vốn của Công ty Mẹ - Công ty TNHH một thành viên.

Hệ số *Nợ phải trả/Vốn điều lệ* của Công ty Mẹ = 63.312 triệu đồng/45.430 triệu đồng = 1,39 lần. Theo quy định tại mục 3.1, Điều 3, Thông tư số 117/2010/TT-BTC ngày 05/8/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu quy định: "*Công ty được quyền chủ động huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh trong phạm vi hệ số nợ phải trả trên vốn điều lệ của công ty không vượt quá 3 lần*". Như vậy việc huy động vốn của công ty không vi phạm quy định nêu trên.

1.1.4. Quản lý vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được các đơn vị thành viên theo dõi, quản lý cơ bản đúng quy định; sử dụng vốn đúng mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Riêng tại Công ty Mẹ, trong năm đã thực hiện điều chỉnh giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 19.482 triệu đồng không có cơ sở pháp lý. Qua kiểm tra hồ sơ cho thấy: tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1767/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải về việc chuyển Công ty Mẹ - Công ty Vận tải và Xếp dỡ đường thủy nội địa thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có nêu "*Vốn điều lệ: Tạm tính tại thời điểm 31/12/2009 là 45.430.138.649 đồng. Đến thời điểm đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Công ty có trách nhiệm lập*

báo cáo tài chính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt, làm cơ sở để điều chỉnh vốn điều lệ". Tuy nhiên, đến thời điểm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Giấy đăng ký kinh doanh lần 6 ngày 10/11/2010 (chuyển đổi từ Công ty Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa), Công ty đã không thực hiện lập Báo cáo tài chính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt làm cơ sở để điều chỉnh vốn điều lệ như đã quy định mà Công ty tự hạch toán điều chỉnh giảm như trên. Như vậy, Công ty đã không tuân thủ quy định của Chủ sở hữu và quy định tại điều 7, Thông tư 79/2010/TT-BTC ngày 24/5/2010 hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên.

* Đánh giá về mức độ bảo toàn, tăng trưởng vốn chủ sở hữu thông qua các hệ số bảo toàn và tăng trưởng vốn của toàn Công ty như sau:

- Hệ số bảo toàn Vốn Nhà nước:

Tổng tài sản - Nợ phải trả

Vốn Nhà nước

$H = 43.470 \text{ triệu đồng} / 73.100 \text{ triệu đồng} = 0,59 (H < 1)$.

(Vốn Nhà nước = Vốn đầu tư của chủ sở hữu + Quỹ đầu tư phát triển + Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản)

Như vậy, với hệ số bảo toàn vốn trên thể hiện hoạt động SXKD năm 2012 bị thua lỗ, công ty không bảo toàn được vốn.

- Hệ số tăng trưởng vốn:

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo

Vốn chủ sở hữu cuối kỳ liền kề với kỳ báo cáo

$H = 43.470 \text{ triệu đồng} / 55.882 \text{ triệu đồng} = 0,77 (H < 1)$. Như vậy, năm 2012, công ty không hoàn thành nhiệm vụ tăng trưởng vốn.

1.2. Tình hình quản lý doanh thu, thu nhập, chi phí và kết quả kinh doanh

1.2.1. Quản lý doanh thu, thu nhập

Các khoản doanh thu, thu nhập phát sinh trong kỳ cơ bản đã được các đơn vị quản lý và ghi nhận phù hợp, kịp thời; hồ sơ, hóa đơn, chứng từ đầy đủ theo quy định. Tuy nhiên trong công tác này vẫn còn sai sót tại một số đơn vị như: ghi nhận doanh thu tài chính chưa đủ căn cứ dẫn đến điều chỉnh giảm 532 triệu đồng (Công ty Mẹ), chưa thực hiện điều chỉnh bù trừ các giao dịch nội bộ phát sinh giữa Văn phòng công ty và các đơn vị phụ thuộc, giữa Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên với giá trị 14.009 triệu đồng,...

1.2.2. Quản lý chi phí

* Quản lý chi phí trực tiếp sản xuất kinh doanh: các đơn vị đã ban hành định mức tiêu hao nhiên liệu, việc quản lý chi phí nhiên liệu đảm bảo tuân thủ định mức đã ban hành; hồ sơ, chứng từ đầy đủ, hợp pháp. Tuy nhiên, tại chi nhánh của Công ty Mẹ có hoạt động xây lắp nhưng việc tập hợp chi phí theo

chứng từ thực tế phát sinh chứ không khoán cho các đội.

* Chi phí quản lý doanh nghiệp: chi phí quản lý doanh nghiệp và các khoản chi phí gián tiếp khác được quản lý theo chế độ quy định, các khoản chi phí phát sinh trong kỳ nhìn chung có đầy đủ chứng từ, hóa đơn hợp pháp.

* Chi phí tài chính: đơn vị còn hạch toán thiếu chi phí lãi vay phải trả cho cá nhân năm 2012 là 219 triệu đồng, thực hiện vốn hóa chi phí lãi vay không đúng quy định 175 triệu đồng (Công ty Mẹ).

* Chi phí khác: tại Công ty Mẹ còn tính thiếu chi phí lãi vay dẫn đến phải điều chỉnh tăng chi phí lãi vay phải trả các cá nhân từ năm 2007 đến năm 2011 là 819 triệu đồng, trích thiếu khấu hao của các năm trước 4.552 triệu đồng,...

1.2.3. Quản lý kết quả và phân phối kết quả kinh doanh:

- Tại Công ty Mẹ: do hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ nên Công ty Mẹ không có hoạt động phân phối kết quả kinh doanh.

- Tại các đơn vị thành viên: năm 2012, các đơn vị được kiểm toán đều chưa tiến hành họp đại hội đồng cổ đông nên chưa thực hiện phân phối kết quả kinh doanh. Tuy nhiên, trong năm 2012, còn tồn tại việc thực hiện phân phối lợi nhuận của các năm trước (39 triệu đồng tại Công ty cổ phần vận tải ô tô) cho phần cổ phiếu quỹ là chưa đúng chế độ kế toán.

1.3. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với NSNN

- Công tác hạch toán, kê khai thuế: nhìn chung, các đơn vị đã thực hiện hạch toán và kê khai thuế theo đúng quy định, tuy nhiên trong công tác này còn một số tồn tại như: hạch toán thiếu tiền thuế TNCN 134 triệu đồng; hạch toán thiếu tiền thuế đất so với thông báo của cơ quan thuế: 79 triệu đồng,....

- Việc thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế và thu khác cho NSNN tại hầu hết các đơn vị trong công ty chưa được thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định. Tổng số thuế và các khoản còn phải nộp NSNN của Tổng công ty tính đến 31/12/2012 sau khi điều chỉnh theo số kiểm toán là 2.311.164.852 đồng (trong đó số kiểm toán xác định tăng thêm là 138.066.494 đồng).

1.4. Tình hình quản lý lao động, tiền lương

- Việc xây dựng đơn giá tiền lương, xác định quỹ tiền lương.

Công ty Mẹ và các công ty thành viên được kiểm toán đã xây dựng đơn giá tiền lương trên cơ sở doanh thu và được Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên phê duyệt; việc trích lập quỹ tiền lương đảm bảo không vượt đơn giá tiền lương được duyệt. Tuy nhiên còn có tồn tại sau:

+ Công ty Mẹ chưa xây dựng quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên; chưa xây dựng và ban hành chính thức quy chế trả lương, quy chế trả thưởng của người lao động, quy chế trả lương, thù lao và quy chế thưởng của thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 12 - Thông tư 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14/9/2010 của Bộ lao động thương binh và xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong đơn vị trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước

làm chủ sở hữu trình Chủ sở hữu phê duyệt.

- + Cuối năm, các công ty chưa thực hiện quyết toán quỹ tiền lương thực hiện.

- Việc chi trả tiền lương: có đầy đủ chứng từ, có ký nhận đầy đủ của người lao động.

- Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên và người lao động toàn công ty nói chung còn thấp thu nhập bình quân cao nhất là 6,4 triệu đồng/người/tháng (tại Công ty CP vận tải xếp dỡ Bút Sơn), thấp nhất là 3,5 triệu đồng/người/tháng (tại Công ty Mẹ).

- Tại các đơn vị được kiểm toán, số dư phải trả người lao động tại thời điểm 31/12/2012 là tiền lương chưa trả của các tháng cuối năm, sang tháng 4/2013, các đơn vị này đã thanh toán đầy đủ cho người lao động.

- Công tác quản lý lao động: các đơn vị đã thực hiện quản lý lao động cơ bản đảm bảo các quy định hiện hành; cán bộ, nhân viên quản lý và công nhân kỹ thuật đều được ký kết hợp đồng lao động theo quy định. Hầu hết các đơn vị đã ban hành Nội quy lao động; Quy chế tạm thời về xếp loại thi đua hàng tháng; Thỏa ước lao động tập thể nhằm mục tiêu quản lý lao động, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động.

1.5. Về Công tác kế toán

- Tổ chức bộ máy kế toán: nhìn chung, bộ máy kế toán tại các đơn vị được tổ chức gọn nhẹ, đáp ứng được yêu cầu công việc.

- Chứng từ kế toán: trong năm, công tác tập hợp và lưu trữ chứng từ kế toán tương đối đầy đủ, kịp thời, thuận tiện cho công tác kiểm tra. Tuy nhiên, những chứng từ liên quan đến công nợ của các đối tượng nợ tồn đọng qua nhiều năm không được lưu trữ đầy đủ, tài liệu, hồ sơ, chứng từ gốc bị mất dẫn đến khó khăn trong công tác xử lý nợ.

- Hạch toán kế toán: qua kiểm toán cho thấy, công tác hạch toán kế toán tại các đơn vị thành viên cơ bản đảm bảo đúng chế độ tài chính, kế toán. Riêng tại Công ty Mẹ, việc hạch toán kế toán còn nhiều tồn tại, hạn chế dẫn đến những điều chỉnh như điều chỉnh giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu không đúng quy định, đầu tư dài hạn khác nhưng lại theo dõi trên tài khoản "Đầu tư vào công ty con", hạch toán không đúng bản chất tài khoản,....

- Sổ kế toán: trong năm các đơn vị đã lập sổ kế toán đầy đủ, ghi chép theo quy định.

- Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính của đơn vị được lập đầy đủ, đúng biểu mẫu theo hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp. Tuy nhiên, khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, bộ phận kế toán đã không loại trừ doanh thu, giá vốn, công nợ nội bộ; hợp nhất cả Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng mà Công ty Mẹ chỉ đầu tư 118 triệu đồng (chiếm 16,4% vốn điều lệ) là không đúng với quy định tại Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007, làm ảnh hưởng đến tính trung thực của Báo cáo tài chính dẫn đến

những điều chỉnh như đã nêu ở trên.

2. Quản lý, sử dụng vốn, tài sản Nhà nước

2.1. Tình hình quản lý và sử dụng tài sản, máy móc thiết bị

Tài sản của các đơn vị được sử dụng đúng mục đích, được theo dõi và quản lý đầy đủ. Tài sản hỏng hoặc không có nhu cầu sử dụng được cho thuê, thanh lý, nhượng bán theo đúng trình tự và thủ tục quy định, giá trị thuê, thanh lý, nhượng bán được hạch toán đầy đủ, kịp thời. Việc thanh lý, nhượng bán đảm bảo đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, đúng quy định. Đối với một số hạng mục xây dựng đã hoàn thành (đường bê tông; tôn nền mặt bằng; nhà kho hàng bao) thuộc gói thầu số 4, số 5B dự án đầu tư xây dựng cảng Ninh Phúc giai đoạn 1, chưa được phê duyệt quyết toán nhưng đơn vị đã chủ động khai thác đưa vào sử dụng nhằm tránh lãng phí. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2012, Công ty Mẹ còn một số tài sản có nguyên giá là 6.291 triệu đồng, không sử dụng nhưng đơn vị chưa có phương án xử lý số tài sản trên.

Đánh giá hệ số sử dụng tài sản tại đơn vị như sau:

Hệ số sử dụng tài sản = Tổng tài sản phục vụ cho SXKD/Tổng TS phản ánh trên sổ kế toán = 96.070 triệu đồng/102.361 triệu đồng = 0,93. Hệ số này cho thấy tài sản thực tế đưa vào sử dụng chỉ đạt 93% so với năng lực thực tế.

Hệ số hao mòn TSCĐ = Số tiền khấu hao lũy kế/Nguyên giá TSCĐ = 61.243 triệu đồng/102.361 triệu đồng = 0,59. Như vậy tình trạng về năng lực tài sản cố định của đơn vị ở mức thấp, giá trị còn lại của các tài sản chỉ đạt khoảng 40% chứng tỏ tình trạng tài sản đã tương đối cũ, không có nhiều tài sản được đầu tư mới.

2.2. Tình hình quản lý và sử dụng đất đai

- Tổng diện tích đất mà Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên đang quản lý và sử dụng là 213.299 m². Đây toàn bộ là đất thuê của nhà nước với thời hạn từ 30 - 40 năm làm trụ sở làm việc, nhà xưởng, bến bãi, các công trình phụ trợ và mặt bằng sản xuất kinh doanh.

- Công tác quản lý đất đai đã được các đơn vị thuộc công ty được thực hiện cơ bản đáp ứng yêu cầu về quản lý: hồ sơ đầy đủ, tuân thủ quy hoạch xây dựng tại địa phương. Riêng Công ty cổ phần vận tải thủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị thất lạc, hiện công ty đang làm thủ tục xin cấp lại.

- Theo báo cáo của đơn vị phần lớn diện tích đất trên (211.924m²) đều được các đơn vị sử dụng đúng mục đích, và có hiệu quả. Tuy nhiên, vẫn còn một số diện tích đất hiện đang không được đưa vào sử dụng gây ra tình trạng lãng phí. Cụ thể:

+ Diện tích đất 350m² được sử dụng để xây dựng nhà điều hành nằm trong dự án xây dựng cảng Ninh Phúc giai đoạn 1 đang còn dở dang, chưa hoàn thành nên chưa sử dụng được.

+ Diện tích đất 1.025m² của Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp (công ty con của Công ty TNHH MTV vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa), công ty này đã ngừng hoạt động từ cuối năm 2008 nên toàn bộ diện tích đất, trụ sở của công ty này hiện đang bỏ không, không sử dụng.

- Đến 31/12/2012, Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên còn nợ NSNN số tiền thuê đất: 502.006.100 đồng, trong đó:

- + Công ty Mẹ nợ: 231.697.100 đồng;
- + Công ty cổ phần chế biến than và kinh doanh tổng hợp: 211.309.000 đồng;
- + Công ty cổ phần vận tải ô tô: 59.000.000 đồng.

2.3. Tình hình đầu tư tài chính

- Toàn công ty có 03 đơn vị thực hiện đầu tư tài chính với giá trị đầu tư là 15.824 triệu đồng. Các đơn vị được đầu tư đều hoạt động trong lĩnh vực vận tải, bốc xếp phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty. Cụ thể:

+ Giá trị đầu tư của Công ty Mẹ vào 06 công ty con là: 15.551 triệu đồng, đầu tư dài hạn khác vào 02 công ty cổ phần: 168 triệu đồng

+ Giá trị đầu tư của 02 công ty con là: 105 triệu đồng

Tổng giá trị vốn đầu tư ra ngoài công ty của Công ty Mẹ đến thời điểm 31/12/2012 không vượt quá mức vốn điều lệ (15.719 triệu đồng so với 45.430 triệu đồng) là đảm bảo tuân thủ quy định tại Điều 5, Thông tư 117/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế tài chính của Công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

- Về hiệu quả đầu tư: qua kiểm toán cho thấy lợi nhuận thực tế mà các công ty đã nhận được từ khi đầu tư đến thời điểm 31/12/2011 là 2.309 triệu đồng (năm 2012, các đơn vị được đầu tư chưa tiến hành đại hội cổ đông để chia lợi nhuận nên các đơn vị chưa có cơ sở để hạch toán lợi nhuận được chia). Theo báo cáo trong số 08 công ty được Công ty Mẹ đầu tư vốn thì có 03 công ty là Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp (đầu tư từ năm 2003) và Công ty cổ phần vận tải thủy (đầu tư từ năm 2006), Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng (đầu tư từ năm 1999) hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ qua nhiều năm nên từ khi đầu tư Công ty Mẹ chưa được chia cổ tức lần nào. Tỷ lệ lợi nhuận thu được từ khoản đầu tư tài chính của toàn công ty năm 2011 là 2,5% (391 triệu đồng/15.824 triệu đồng), năm 2012 dự kiến là 2,8% (438 triệu đồng/15.824 triệu đồng), nếu so với lãi suất tiền gửi tiết kiệm (8%/năm) thì tỷ lệ này rất thấp, như vậy hoạt động đầu tư tài chính của toàn công ty không có hiệu quả.

2.4. Trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng các dự án của công ty

Đến thời điểm hiện tại, công ty đang quản lý thực hiện 02 dự án là Dự án đầu tư nâng cấp Xí nghiệp sửa chữa và đóng mới phương tiện vận tải thủy Ninh Phúc và Dự án đầu tư cảng Ninh Phúc giai đoạn 1.

a. Dự án Đầu tư nâng cấp XNSC và đóng mới phương tiện vận tải thủy Ninh Phúc:

- Dự án được Bộ Giao thông vận tải cho phép tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo Quyết định số 2632/2003/QĐ-BGTVT ngày 10/09/2003, sau khi hoàn thành việc lập báo cáo nghiên cứu khả thi (đã giải ngân được 382 triệu đồng) và được Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án theo Quyết định số 3242/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2004 thì dự án đã dừng cho đến nay. Theo quyết định này:

- + Chủ đầu tư: Công ty Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa.
- + Tổng mức đầu tư: 28.195 triệu đồng.
- + Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước: 14.423 triệu đồng; Vốn vay, tự huy động: 13.771 triệu đồng.

+ Tiến độ: theo kế hoạch vốn hàng năm.

- Theo báo cáo của đơn vị từ năm 2005 đến nay dự án không được Bộ Giao thông vận tải giao kế hoạch vốn nên không có kinh phí để tiếp tục thực hiện.

b. Dự án đầu tư cảng Ninh Phúc giai đoạn 1:

Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 3602/KHĐT ngày 25/7/1995 của Bộ trưởng Bộ GTVT v/v duyệt dự án khả thi đầu tư cảng Ninh Phúc giai đoạn 1.

- Tổng mức đầu tư: 125.781 triệu đồng

- Nguồn vốn: các hạng mục cơ sở hạ tầng: Vốn ngân sách cấp; thiết bị: vốn tự có hoặc vốn vay.

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: đấu thầu

- Khởi công: năm 1995, hoàn thành: năm 2000

- Chủ đầu tư: Cục đường sông Việt Nam (năm 2004, Bộ GTVT đã ban hành Quyết định 721/2004/QĐ-BGTVT ngày 25/3/2004 chuyển giao nhiệm vụ chủ đầu tư từ Cục Đường sông VN sang Công ty Mẹ - Công ty Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa).

* *Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán công trình:* dự án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục từ công tác khảo sát thiết kế, lập dự án khả thi, báo cáo thẩm định, duyệt thiết kế kỹ thuật đều được phê duyệt tuân thủ quy định tại Nghị định 177/CP ngày 20/10/1994 của Chính phủ v/v ban hành điều lệ quản lý đầu tư xây dựng.

* *Việc lựa chọn nhà thầu:* kế hoạch đấu thầu, thực hiện đấu thầu, công bố kết quả đấu thầu đều được phê duyệt, tuân thủ Quy chế đấu thầu ban hành kèm theo Nghị định 43/CP ngày 16/7/1996 và Nghị định 93/CP ngày 23/8/1997 của Chính phủ v/v sửa đổi Quy chế đấu thầu và Nghị định 88/1999/NĐ - CP ngày 1/9/1999 của Chính phủ v/v ban hành quy chế đấu thầu.

* *Tiến độ của dự án:* hiện tại dự án có 07 gói thầu thì 05 gói đã hoàn thành và được Bộ GTVT phê duyệt quyết toán trong giai đoạn 1996 - 2002. Hiện có 02 gói thầu đang thi công dở dang là gói số 4 và gói 5B. Theo như kế hoạch ban đầu thì toàn dự án kết thúc vào năm 2000 nhưng thực tế đến nay đã bị chậm 13 năm. Theo báo cáo của đơn vị thì nguyên nhân chính của việc chậm tiến độ là do nguồn vốn có hạn nên công trình phải kéo dài tiến độ thi công theo kế hoạch vốn hàng năm của Bộ Giao thông vận tải (đến năm 2010, Công ty mới được giao kế hoạch vốn 39 tỷ đồng). Ngoài ra, gói thầu số 4 và gói 5B bị chậm: Do hết hạn giấy phép xây dựng nên phải chờ cấp mới (hết hạn vào tháng 4/2000, đến tháng 8/2003, dự án mới được cấp giấy phép xây dựng mới). Khi hai gói thầu bắt đầu triển khai thi công thì gói thầu 5B bị dừng do vi phạm Pháp lệnh đề điều mới từ tháng 7/2003, đến tháng 6/2004 mới có quyết định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình mới có văn

bản đồng ý để công ty tiếp tục đã thực hiện dự án. Bộ Giao thông vận tải đã yêu cầu Chủ đầu tư và nhà thầu kiểm điểm về việc làm chậm tiến độ của công trình tại Văn bản số 1657/GTVT-CGD ngày 24/3/2005.

3. Tình hình thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp khác

Hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2012 về cơ bản đã được theo dõi, quản lý, giám sát, nội dung giám sát bao gồm giám sát hoạt động của Công ty Mẹ và giám sát hiệu quả hoạt động của các công ty con thông qua người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

Hội đồng thành viên Công ty đã ban hành Văn bản số 21/HĐTV ngày 11/2/2012 v/v *"Quy định tạm thời một số nội dung hoạt động chủ yếu của công ty mẹ, công ty TNHH MTV vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa và người đại diện phần vốn Nhà nước tại các Công ty cổ phần thành viên"*. Qua báo cáo của đơn vị và những hồ sơ liên quan cho thấy:

- Công ty có 13 người đại diện vốn tại các công ty cổ phần, trong đó có 05 đại diện là thành viên chuyên trách tham gia quản lý điều hành tại các công ty cổ phần.

- Người đại diện vốn chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo: theo quy định tại Khoản 6, Điều 13, Chương 3 của Thông tư 117/2010/TT-BTC và Khoản 4, Điều 4 của Văn bản số 21/HĐTV *"Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo của công ty cổ phần, định kỳ hàng quý và cuối năm sau khi có báo cáo quyết toán 15 ngày, người đại diện phần vốn tổng hợp chỉ tiêu tài chính theo phụ lục số 07 đính kèm. Phân tích đánh giá kết quả kinh doanh, tình hình quản lý và sử dụng vốn tại doanh nghiệp, khả năng thanh toán, phân chia lợi tức và các quyền lợi khác, kiến nghị những biện pháp tháo gỡ khó khăn để nâng cao hiệu quả vốn đầu tư tại doanh nghiệp"* nhưng thực tế, người đại diện vốn đã không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo trên. Hàng tháng, hàng quý chỉ có người đại diện vốn là thành viên chuyên trách lập báo cáo theo quy định nhưng cũng chỉ tổng hợp số liệu chứ không phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh, tình hình quản lý và sử dụng vốn, khả năng thanh toán,... như quy định.

- Việc kiểm tra, giám sát của chủ sở hữu đối với việc thực hiện nhiệm vụ của người đại diện vốn còn chưa chặt chẽ, sát sao: chưa yêu cầu, đôn đốc tất cả người đại diện vốn thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

4. Tình hình triển khai thực hiện đề án tái cơ cấu doanh nghiệp

a. Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Vận tải thủy đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại Quyết định số 1600/QĐ-BGTVT ngày 09/7/2012, theo đề án này, Công ty TNHH MTV Vận tải và Xếp dỡ đường thủy nội địa sẽ được sắp xếp, đổi mới như sau:

*** Về công tác sắp xếp doanh nghiệp:**

- *Tại Công ty Mẹ:* giai đoạn đến trước 30/6/2012, hoàn thiện sáp nhập Chi nhánh Hòa Bình vào cơ quan văn phòng; Hoàn thiện sáp nhập Xí nghiệp đảm bảo an toàn giao thông Hà Nội vào Xí nghiệp đảm bảo an toàn giao thông Hải

Phòng; Giải thể trung tâm dạy nghề.

- *Tại các công ty cổ phần (7 đơn vị):* giai đoạn 01/7/2012 đến trước 01/6/2013, tiến hành giải thể hoặc cho phá sản 02 công ty con: Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp, Công ty cổ phần vận tải thủy; thoái hết vốn ở 01 công ty liên kết - Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng.

*** Về công tác đổi mới - cổ phần hóa doanh nghiệp:**

Giai đoạn từ 01/6/2012 đến trước 31/12/2013: tiến hành việc cổ phần hóa Công ty Mẹ - Công ty TNHH MTV Vận tải và Xếp dỡ đường thủy nội địa.

b. Kết quả triển khai thực hiện đề án Tái cơ cấu đã được phê duyệt tại Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa:

*** Về công tác sắp xếp doanh nghiệp:** đến thời điểm 31/12/2012, công ty đã hoàn thành những nội dung sau:

- Đã sáp nhập nguyên trạng Chi nhánh Hòa Bình vào Văn phòng công ty; Xí nghiệp đảm bảo an toàn giao thông Hà Nội vào Xí nghiệp đảm bảo an toàn giao thông Hải Phòng.

- Sáp nhập Trung tâm dạy nghề vào Văn phòng công ty: ngày 20/3/2013, công ty đã có quyết định sáp nhập Trung tâm dạy nghề vào Văn phòng công ty theo Quyết định số 101/HĐTV ngày 20/3/2013. Hiện đang trong quá trình tiến hành bàn giao. Như vậy, cho đến nay việc thực hiện nội dung này chậm so với tiến độ đề ra 10 tháng.

- Việc giải thể Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp và Công ty cổ phần Vận tải thủy: Tháng 3 năm 2013, Công ty mới tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Đại hội đã được thông qua nhất trí với phương án giải thể. Hiện đang tiếp tục hoàn thiện các bước thủ tục tiếp theo để giải thể công ty. Như vậy, việc thực hiện chưa bị chậm tiến độ nhưng việc hoàn thành giải thể hai đơn vị này trước 01/6/2013 theo như kế hoạch là khó khả thi.

- Việc thoái vốn ở Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng và xây dựng: công ty dự kiến đến quý II/2014 (chậm so với tiến độ trong đề án 1 năm) sẽ thực hiện thoái vốn nhưng có thể việc thoái vốn là không khả thi do công ty này có kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ qua nhiều năm (Thực tế cho thấy từ khi Công ty Mẹ đầu tư vốn vào công ty này năm 1999 đến nay chưa lần nào được chia cổ tức).

*** Về công tác đổi mới - cổ phần hóa doanh nghiệp**

Để triển khai thực hiện đề án trên, ngày 07/8/2012 Bộ Giao thông vận tải đã ban hành Quyết định số 1852/QĐ-BGTVT v/v phê duyệt danh sách doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa trong đó có Công ty Mẹ - Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa; ngày 27/8/2012, Bộ Giao thông vận tải ban hành Quyết định số 2047/QĐ-BGTVT v/v thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa. Tháng 9/2012, Ban chỉ đạo Cổ phần hóa đã họp phiên thứ nhất triển khai thực hiện nhiệm vụ và phân công nhiệm vụ cho các thành viên. Ngày 05/9/2012 Ban chỉ đạo đã ban hành Quyết định số 879/QĐ-TCCB v/v thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH

MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa trong đó quy định Tổ giúp việc có trách nhiệm phối hợp với công ty xây dựng phương án, triển khai tổ chức thực hiện cổ phần hóa công ty theo đúng tiến độ. Qua kiểm toán cho thấy Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc đã thực hiện một số nội dung như chuẩn bị hồ sơ pháp lý về thành lập doanh nghiệp, tài sản,... lập phương án sử dụng đất, gửi phương án sử dụng đất cùng toàn bộ hồ sơ có liên quan đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên địa bàn đề xin ý kiến về các lô đất doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng sau cổ phần hóa, xử lý công nợ, công ty cũng đã ký hợp đồng thuê tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Tuy nhiên, Tổ giúp việc vẫn chưa xây dựng phương án, kế hoạch thực hiện cho từng bước, từng nội dung trong quy trình cổ phần hóa để đảm bảo quá trình cổ phần hóa diễn ra theo đúng tiến độ.

c. Những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện:

Theo báo cáo của công ty, việc thực hiện đề án tái cơ cấu gặp một số khó khăn sau:

- Đối với việc cổ phần hóa Công ty Mẹ: việc đối chiếu công nợ, thu hồi nợ đối với những khoản nợ tồn đọng qua nhiều năm gặp nhiều khó khăn do hồ sơ không đầy đủ, bị thất lạc, một số đối tượng công nợ đã bỏ nơi cư trú, đã mất hoặc không hợp tác mặc dù cán bộ của Công ty đã đến đòi nợ nhiều lần (theo báo cáo của công ty tính đến 31/12/2012, giá trị các khoản nợ khó thu hồi là 5.384 triệu đồng).

- Đối với việc giải thể Công ty cổ phần dịch vụ tổng hợp: công ty đã dừng hoạt động nên người lao động phân tán nhiều nơi, không có địa chỉ nên việc mời hợp tác và triệu tập giải quyết công nợ rất khó khăn; công ty không có người để thực hiện các bước tiếp theo là thanh lý tài sản, đối chiếu công nợ,... mà vẫn phải do người của tổ giải thể trực thuộc Công ty Mẹ thực hiện.

- Đối với việc giải thể Công ty cổ phần Vận tải thủy: công ty chưa giải quyết dứt điểm công nợ Bảo hiểm xã hội (còn nợ 188 triệu đồng) nên còn gặp khó khăn trong việc giải quyết nghỉ việc cho người lao động; giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất bị thất lạc, công ty đang làm thủ tục xin cấp lại nên việc hoàn tất các thủ tục xin cấp lại mất nhiều thời gian.

5. Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường

Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012, năm 2012 Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên đã được miễn, giảm những các loại thuế sau:

- Thuế Giá trị gia tăng: được gia hạn 06 tháng thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) của tháng 4, tháng 5, tháng 6 năm 2012 với giá trị 1.023.396.851 đồng.

- Thuế Thu nhập cá nhân: được miễn 50.448.662 đồng.

- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: toàn công ty có 03 đơn vị được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2012 với giá trị: 104.712.619 đồng, cụ thể: Công ty cổ phần vận tải ô tô: 32.761.969 đồng; Công ty cổ phần vận tải

xếp dỡ Bút Sơn: 32.309.374 đồng; Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình: 39.641.276 đồng.

- Tiền thuê đất: được giảm 21.600.000 đồng (Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút Sơn - theo quyết định số 3092/QĐ-CT ngày 4/11/2012 Cục thuế tỉnh Hà Nam v/v giảm tiền thuê đất năm 2012 cho Công ty theo Nghị quyết 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 của Chính phủ).

Như vậy, năm 2012, số thuế toàn công ty được miễn, giảm là 176.761.281 đồng. Mặc dù số thuế được được miễn, giảm không lớn nhưng trong thời điểm khó khăn như hiện nay của các đơn vị với số vốn chủ sở hữu thấp, hoạt động chủ yếu bằng vốn chiếm dụng và vốn vay, thì khoản hỗ trợ này cũng đã phần nào tháo gỡ khó khăn cho các đơn vị.

III. TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

1. Tính kinh tế

Trong quá trình quản lý, điều hành hoạt động; Công ty Mẹ và các công ty thành viên được kiểm toán đã thực hiện khoán chi phí sản xuất kinh doanh nhằm tiết giảm các chi phí đầu vào để giảm giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu quả hoạt động, đảm bảo tiết kiệm chi phí đầu vào. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu dựa trên nguồn vốn đi vay và chiếm dụng của khách hàng, vốn chủ sở hữu thấp nên việc chậm xử lý, thu hồi công nợ, thanh lý những tài sản không cần dùng để thu hồi vốn cho sản xuất, bảo toàn và gia tăng vốn chủ sở hữu đã phần nào làm giảm tính kinh tế trong hoạt động của đơn vị.

2. Tính hiệu lực

Trong quá trình quản lý hoạt động SXKD trong kỳ, các công ty được kiểm toán đã tuân thủ chế độ, chính sách của Nhà nước về quản lý tài chính - kế toán và các chính sách, pháp luật khác có liên quan. Bên cạnh đó, các công ty đã xây dựng và ban hành một số văn bản quản lý như Quy chế quản lý tài chính, định mức chi phí nhiên liệu, Quy định tạm thời về hệ thống tổ chức, quản lý, điều hành và mối quan hệ trong nội bộ công ty.... Tuy nhiên, còn một số tồn tại tại làm giảm tính hiệu lực trong quản lý như: Chưa xây dựng và ban hành quy chế quản lý các khoản công nợ và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi các khoản công nợ; lập Báo cáo tài chính hợp nhất không thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007, thực hiện bù trừ công nợ phải thu nội bộ, phải trả nội bộ, xử lý chênh lệch công nợ nội bộ chưa đúng chế độ kế toán (Công ty Mẹ); xử lý các khoản công nợ phải thu không có khả năng thu hồi nhưng không tuân thủ quy định tại Thông tư 202/2011/TT-BTC ngày 30/12/2011 (Công ty Mẹ); trích thiếu khấu hao, lãi vay,...

3. Tính hiệu quả

* Kết quả kiểm toán cho thấy kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2012 toàn công ty đang bị lỗ 11.430 triệu đồng, qua kiểm toán tại 04 đơn vị của toàn công ty cho thấy có 03 đơn vị hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và 01 đơn

vị bị thua lỗ. Cụ thể:

- + Công ty cổ phần vận tải ô tô đạt mức lợi nhuận trước thuế là: 400 triệu đồng;
- + Công ty cổ phần xếp dỡ Ninh Bình đạt mức lợi nhuận trước thuế là: 474 triệu đồng;
- + Công ty cổ phần vận tải xếp dỡ Bút sơn đạt mức lợi nhuận sau thuế là: 401 triệu đồng;
- + Công ty Mẹ lỗ: 13.601 triệu đồng.

Như vậy hoạt động sản xuất của toàn công ty bị lỗ chủ yếu do lỗ tại Công ty Mẹ. Qua phân tích, đánh giá cho thấy kết quả SXKD trong năm 2012 bị thua lỗ bởi những nguyên nhân sau:

* Nguyên nhân khách quan:

- Theo báo cáo của công ty, hoạt động dịch vụ vận tải tự làm hiện gặp nhiều khó khăn do nguồn hàng khai thác năm 2012 trong khu vực giảm, ngành vận tải đang có tốc độ xã hội hóa rất nhanh tạo nên sự cạnh tranh gay gắt về giá cước vận chuyển;

- Giá cả nguyên vật liệu đầu vào có nhiều biến động theo xu hướng tăng lên cũng làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của đơn vị. Cụ thể mức biến động giá dầu diesel - nhiên liệu chủ yếu mà công ty sử dụng tăng cao: năm 2011 giá bình quân là 17.925 triệu đồng, năm 2012 giá bình quân là 21.150 đồng/lít (tăng 18% so với năm 2011), trong khi đó giá cước vận chuyển không tăng hoặc tăng không đáng kể như giá cước vận chuyển than từ Ninh Bình đi Tam Điệp năm 2011 là 25.543 đồng/tấn, năm 2012 là 22.727 đồng/tấn (giảm 11% so với năm 2011); giá cước vận chuyển clinker từ Ninh Bình - Bỉm Sơn năm 2011 là 31.750 đồng/tấn, năm 2012 là 31.818 đồng/tấn như vậy giá cước tăng không đáng kể so với năm 2011; giá cước vận chuyển bình quân từ sông vào kho bãi năm 2011 là 3.596 đồng/tấn, năm 2012 là 3.991 đồng/tấn (tăng 11% so với năm 2011); qua đó cho thấy tốc độ tăng giá cước chậm hơn tốc độ tăng của giá nhiên liệu nên hoạt động sản xuất kinh doanh gặp khó khăn.

* Nguyên nhân chủ quan: công ty chưa thực hiện công tác phân tích chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm để phát hiện những khâu yếu kém trong quản lý, những yếu tố làm tăng chi phí, giá thành để có giải pháp khắc phục kịp thời, việc lập Báo cáo quản trị hàng tháng, hàng quý phân tích doanh thu - chi phí của Công ty Mẹ không được thực hiện như tại các công ty thành viên.

Ngoài ra, do ảnh hưởng từ những tồn tại của nhiều năm trước dẫn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty kém hiệu quả như: tính thiếu chi phí khấu hao, lãi vay, tài sản không dùng nhưng chậm thanh lý,...

* Ngoài những điều chỉnh theo kết quả kiểm toán, vẫn còn những khoản rủi ro về tài chính từ những khoản phải thu khó có khả năng thu hồi với giá trị 9.637 triệu đồng, nếu những khoản nợ này thực sự không thể thu hồi, có đủ hồ sơ chứng minh để xử lý như một khoản tổn thất thì đây là khoản lỗ tiềm ẩn của toàn công ty.

PHẦN THỨ HAI

KIẾN NGHỊ

1. Đối với Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa

1.1. Điều chỉnh sổ kế toán, Báo cáo tài chính phù hợp với kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

1.2. Nộp kịp thời vào NSNN số tiền thuế còn nợ đến 31/12/2012 là 2.311.164.852 đồng, trong đó số xác định tăng thêm của Kiểm toán Nhà nước là 138.066.494 đồng.

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán tại đơn vị:

- Xây dựng và ban hành Quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, phân công và xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc theo dõi, thu hồi, thanh toán các khoản công nợ; xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản để xác định rõ trách nhiệm của từng khâu trong công tác quản lý;

- Tổ chức kiểm tra, rà soát, xác định rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý phù hợp đối với những khoản công nợ nội bộ chưa xác định được đối tượng;

- Quan tâm hơn nữa đến công tác quản lý trang thiết bị phục vụ sản xuất, có phương án sử dụng tài sản hiệu quả hơn, có thể xem xét phương án cho thuê, thanh lý, nhượng bán, tránh tình trạng tài sản không sử dụng, lãng phí vốn đầu tư và không có nguồn bù đắp chi phí thường xuyên;

- Lập Báo cáo tài chính Hợp nhất theo quy định tại Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính.

1.4. Kiến nghị xem xét xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan.

- Trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc điều chỉnh giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu không đúng quy định, không lập Báo cáo tài chính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt, làm cơ sở để điều chỉnh vốn điều lệ như quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1767/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải;

- Trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất không đúng quy định;

- Trách nhiệm của Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc chậm xử lý những khoản công nợ tồn đọng khó có khả năng thu hồi hoặc xử lý nhưng không có đầy đủ hồ sơ chứng minh theo quy định;

- Trách nhiệm của bộ phận kế toán trong việc hạch toán không đầy đủ chi phí khấu hao, chi phí lãi vay làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 của công ty;

- Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong việc không xây dựng quỹ tiền lương, thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Kế toán trưởng,

và Kiểm soát viên; không thực hiện quyết toán quỹ tiền lương thực hiện của các đơn vị.

1.5. Tăng cường giám sát hoạt động và trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác.

1.6. Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa xây dựng phương án, lộ trình cổ phần hóa để đảm bảo quá trình cổ phần hóa diễn ra theo đúng tiến độ.

1.7. Báo cáo Bộ Giao thông vận tải xem xét chủ trương có tiếp tục đầu tư vào dự án Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp sửa chữa đóng mới phương tiện thủy Ninh Phúc và Dự án Đầu tư cảng Ninh Phúc giai đoạn 1 không. Nếu không tiếp tục đầu tư phải có văn bản về việc dừng dự án, công ty phải thực hiện các thủ tục cần thiết để quyết toán và đưa vào sử dụng các hạng mục đã thực hiện để tránh tình trạng lãng phí.

1.8. Thực hiện những thủ tục cần thiết để quyết toán những hạng mục công trình riêng lẻ thuộc gói thầu số 4, số 5B đã tạm đưa vào sử dụng.

2. Đối với Tổng công ty Vận tải thủy

- Chỉ đạo công ty thực hiện nghiêm túc các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước;

- Tăng cường công tác kiểm tra, nắm bắt kịp thời các tồn tại về tài chính, kế toán để chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời các sai sót tại công ty;

- Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Tổng công ty tăng cường giám sát, chỉ đạo Tổ giúp việc trong quá trình thực hiện cổ phần hóa công ty.

3. Đối với Bộ Giao thông vận tải

- Kiểm điểm trách nhiệm của các đơn vị chức năng có liên quan trong việc không đơn đốc Công ty TNHH MTV Vận tải thủy và xếp dỡ nội địa lập Báo cáo tài chính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt, làm cơ sở để điều chỉnh vốn điều lệ như quy định tại Khoản 2 Điều 1 Quyết định số 1767/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ Giao thông vận tải;

- Xem xét chủ trương về việc có tiếp tục đầu tư hay không đầu tư hai dự án Dự án Đầu tư nâng cấp Xí nghiệp sửa chữa đóng mới phương tiện thủy Ninh Phúc và Dự án Đầu tư cảng Ninh Phúc giai đoạn 1.

* * *

Đề nghị Công ty TNHH MTV Vận tải và xếp dỡ đường thủy nội thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về Tổng công ty Vận tải thủy để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành IV, địa chỉ: số 111 - Trần Duy Hưng - Quận Cầu Giấy - TP. Hà Nội trước ngày 31/3/2014.

Khi đơn vị thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước về nộp ngân sách nhà nước, giám thanh toán đề nghị ghi rõ trên chứng từ: Nội dung và số tiền thực hiện theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước năm 2013 theo Công văn số/KTNN - CN IV ngày/...../2013 của Kiểm toán Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Bình và Công văn số/KTNN - CN IV ngày/...../2013 của Kiểm toán Nhà nước gửi Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Nam.

Báo cáo kiểm toán này gồm 33 trang, từ trang 01 đến trang 33 và Phụ lục số 01/BCKT-TKT-DN là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN

TRƯỞNG ĐOÀN KTN



Lê Thị Thanh Dung

Số hiệu thẻ KTVNN: C0056/KTV



Trần Phi Hùng

Số hiệu thẻ KTVNN: B0072/KTVC

Nơi nhận:

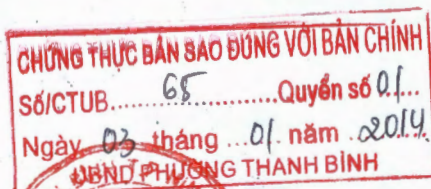
- Công ty TNHH MTV vận tải và xếp dỡ đường thủy nội địa;
- Tổng công ty Vận tải thủy;
- Tổ kiểm toán số 2;
- Lưu: HSKT.

TL. TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

KIỂM TOÁN TRƯỞNG KTN CHUYÊN NGÀNH IV



Ngô Văn Quý



CHỦ TỊCH
VŨ QUANG NGỌC

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU GIẢM CHI NSNN NĂM 2013
TẠI CÔNG TY TNHH MTV VẬN TẢI VÀ XẾP DỖ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA**

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
I	Các khoản phải nộp NSNN	138.066.494	
1	Thuế GTGT	(115.962.659)	
2	Thuế TNDN	38.705.893	
3	Thuế nhà đất và tiền thuê đất	79.071.860	
4	Thuế TNCN	134.280.812	
5	Các khoản phải nộp khác	1.970.588	
	Tổng cộng	138.066.494	